

| | |
|----------------------|-----------------|
| UBND HUYỆN NÚI THÀNH | |
| CV | Số: 264 |
| ĐẾN | Ngày: 06/5/2019 |

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1258/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 26 tháng Năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và giải quyết
tại Bộ phận Một cửa cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về
thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành
chính;

Căn cứ Kế hoạch số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính
phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018
của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng
Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-
CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên
thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục gồm 94 thủ tục
hành chính thực hiện tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận Một cửa cấp xã trên địa
bàn tỉnh Quảng Nam, cụ thể:

- Lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội: 18 TTHC.
- Lĩnh vực giao thông vận tải: 08 TTHC.
- Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: 05 TTHC.
- Lĩnh vực nội vụ: 15 TTHC.
- Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: 04 TTHC.
- Lĩnh vực tài nguyên và môi trường: 03 TTHC.
- Lĩnh vực tư pháp: 35 TTHC.
- Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch: 04 TTHC.
- Lĩnh vực y tế: 02 TTHC.

(Chi tiết tại 09 Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm thường xuyên rà soát, cập nhật, kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận Một cửa của các cấp thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện quyết định này.

- UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm công khai danh mục được ban hành kèm theo Quyết định này trên Trang thông tin điện tử của địa phương (nếu có); đồng thời, niêm yết đầy đủ thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận Một cửa, tổ chức thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

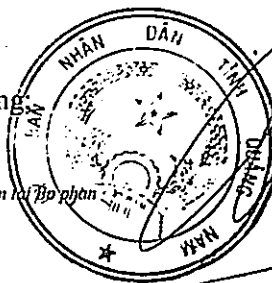
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KSTTHC (2)

E:\TUYES\ Danh sach\ TONG DANH MUC\ Danh muc tthe thuc hien tai Bo phan
1 cua cac cap\ DANH MUC CAP XA\ Danh muc TTHC cap xa.docx

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



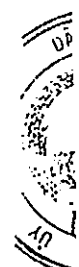
Trần Văn Tân

Phụ lục 01

LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|------------|---|
| I | Lĩnh vực người có công |
| 01 | Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ |
| 02 | Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi |
| II | Lĩnh vực bảo trợ xã hội |
| 01 | Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật |
| 02 | Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật |
| 03 | Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở |
| 04 | Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng |
| 05 | Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế |
| 06 | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn |
| III | Lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội |
| 01 | Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình |
| 02 | Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng |
| 03 | Hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng |
| 04 | Miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng |
| IV | Lĩnh vực trẻ em |
| 01 | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em |
| 02 | Châm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em |
| 03 | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt |
| 04 | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em |
| 05 | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em |
| 06 | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế |



Phụ lục 02

LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----|---|
| I | Lĩnh vực đường thủy nội địa |
| 01 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa |
| 02 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa |
| 03 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa |
| 04 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật |
| 05 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện |
| 06 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện |
| 07 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện |
| 08 | Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện |

Phụ lục 03

LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----|--|
| I | Lĩnh vực giáo dục đào tạo |
| 01 | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học |
| 02 | Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập |
| 03 | Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại |
| 04 | Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập |
| 05 | Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập). |



Phụ lục 04

LĨNH VỰC NỘI VỤ

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~100~~ 100/QĐ-UBND ngày 04/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----------|--|
| I | Lĩnh vực Tôn giáo |
| 01 | Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng |
| 02 | Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng |
| 03 | Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung |
| 04 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã |
| 05 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã |
| 06 | Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung |
| 07 | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã |
| 08 | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác |
| 09 | Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung |
| 10 | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc |
| II | Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng |
| 01 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị |
| 02 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề |
| 03 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất |
| 04 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình |
| 05 | Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến |

Phụ lục 05

LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----|---|
| I | Lĩnh vực Trồng trọt |
| 01 | Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa |
| II | Lĩnh vực Thủy lợi |
| 01 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện) |
| 02 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã |
| 03 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã |



Phụ lục 06

LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----------|---|
| I | Lĩnh vực đất đai |
| 01 | Hòa giải tranh chấp đất đai |
| II | Lĩnh vực môi trường |
| 01 | Tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường |
| 02 | Tham vấn ý kiến về đề án bảo vệ môi trường chi tiết |

Phụ lục 07
LĨNH VỰC TƯ PHÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|------------|---|
| I. | Lĩnh vực hộ tịch |
| 01 | Đăng ký khai sinh |
| 02 | Đăng ký kết hôn |
| 03 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con |
| 04 | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con |
| 05 | Đăng ký khai tử |
| 06 | Đăng ký khai sinh lưu động |
| 07 | Đăng ký kết hôn lưu động |
| 08 | Đăng ký khai tử lưu động |
| 09 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới |
| 10 | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới |
| 11 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới |
| 12 | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới |
| 13 | Đăng ký giám hộ |
| 14 | Đăng ký chấm dứt giám hộ |
| 15 | Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch |
| 16 | Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân |
| 17 | Đăng ký lại khai sinh |
| 18 | Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân |
| 19 | Đăng ký lại kết hôn |
| 20 | Đăng ký lại khai tử |
| 21 | Trích lục bản sao hộ tịch |
| II. | Lĩnh vực chứng thực |
| 01 | Cấp bản sao từ sổ gốc |
| 02 | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận |
| 03 | Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được) |
| 04 | Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch |
| 05 | Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch |
| 06 | Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực |
| 07 | Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở |
| 08 | Chứng thực di chúc |
| 09 | Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản |
| 10 | Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở |
| 11 | Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở |

| | |
|-------------|---|
| III. | Lĩnh vực nuôi con nuôi |
| 01 | Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước |
| 02 | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước |
| 03 | Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi |

Phụ lục 08

LĨNH VỰC VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 07/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----|--|
| I | Lĩnh vực Văn hóa |
| | - Văn hóa cơ sở |
| 01 | Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm. |
| 02 | Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa |
| | - Thư viện |
| 03 | Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản |
| II | Lĩnh vực thể dục thể thao |
| 01 | Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở |

Phụ lục 09
LĨNH VỰC Y TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10258/QĐ-UBND ngày 21/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----|---|
| I | Lĩnh vực Dân số - Kế hoạch hóa gia đình |
| 01 | Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ được sinh ra tại nhà hoặc tại nơi khác mà không phải là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh |
| 02 | Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng |